

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2014/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 27 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Đề án tổ chức xây dựng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2014 – 2015.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Thông tư số 85/2010/TT-BQP ngày 02/7/2010 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 102/2010/TTLT-BQP-BLĐT BXH-BNV-BTC ngày 02/8/2010 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện một số chế độ chính sách đối với dân quân tự vệ và việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách cho công tác dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của HĐND tỉnh về thông qua Đề án tổ chức, xây dựng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2014 - 2015;

Xét đề nghị của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tại Tờ trình số 83/TTr-BCH ngày 08/01/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án tổ chức, xây dựng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2014 - 2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hùng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**tổ chức, xây dựng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách đối với
dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2014 - 2015.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 27/01/2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Dân quân tự vệ (DQTV) ngày 23/11/2009;
- Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật DQTV;
- Thông tư số 85/2010/TT-BQP ngày 02/7/2010 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn một số Điều của Luật DQTV và Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật DQTV;
- Thông tư liên tịch số 102/2010/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 02/8/2010 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với DQTV và việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách cho công tác DQTV;
- Nghị quyết số 33/2011/NQ- HĐND ngày 05/12/2011 của HĐND tỉnh về chế độ chính sách cho lực lượng DQTV trên địa bàn tỉnh;
- Nghị quyết số 39/2011/NQ- HĐND ngày 09/12/2011 của HĐND tỉnh về thông qua đề án Quỹ quốc phòng - an ninh ở cấp xã trên địa bàn tỉnh.

II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC, XÂY DỰNG, HUẤN LUYỆN, HOẠT ĐỘNG VÀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI DQTV

A. Những kết quả đạt được

1. Về tổ chức xây dựng lực lượng

1.1. Lực lượng dân quân: Đến nay toàn tỉnh đã xây dựng lực lượng dân quân ở 97 xã, phường, thị trấn với tổng số 6.630 đồng chí (chiếm 1,41% tổng dân số). Trong đó, dân quân cơ động 2.719 đồng chí (chiếm 41,10%); dân quân thường trực 40 đồng chí (chiếm 0,60%); dân quân phòng không, pháo binh, công binh, trinh sát, thông tin, phòng hóa, y tế 1.130 đồng chí (chiếm 17,04%); lực lượng tại chỗ 2741 đồng chí (chiếm 41,34%).

1.2. Lực lượng tự vệ: Xây dựng 127 đầu mối, cơ quan, tổ chức cơ sở, trong đó có 48 ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, quân số 1.320 đồng chí (chiếm 12,34% tổng số cán bộ, công nhân viên chức); được biên chế 01 đại đội, 27 trung đội, 31 tiểu đội, 36 tổ tự vệ tại chỗ; lực lượng tự vệ binh chủng chiến đấu 137 đồng chí (chiếm 10,37%); lực lượng tại chỗ 1.183 đồng chí (chiếm 89,62%).

1.3. Hệ thống chỉ huy: Tính đến nay 97 Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn (*sau đây gọi chung là cấp xã*) và 48 Ban chỉ huy quân sự cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế (*gọi chung là cơ quan, tổ chức*). trong toàn tỉnh có biên chế đúng cơ cấu gồm: Chỉ huy trưởng, chính trị viên; chỉ huy phó, chính trị viên phó.

1.4. Chất lượng, quy mô, tổ chức biên chế: Đến nay tổng quân số DQTV trong toàn tỉnh có 7.950 đồng chí (chiếm 1,65% dân số). 100% chỉ huy trưởng là đảng viên, trong đó 93 đồng chí tham gia cấp ủy (chiếm 95,87%); 85 đồng chí đã qua đào tạo trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở (chiếm 87,62%). 96 chỉ huy phó là đảng viên (chiếm 78,04%), trong đó 37 đồng chí đã qua đào tạo trung cấp và trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở (chiếm 30,08%); thành lập 97 chi bộ quân sự, trong đó 17 chi bộ quân sự có cấp ủy; đảng viên trong DQTV chiếm 17,18%; đoàn viên trong DQTV chiếm 48,05%. Ban chỉ huy quân sự ở cấp xã và cơ quan, tổ chức được tổ chức, biên chế chặt chẽ, chủ yếu từ cấp tổ đến cấp đại đội, gồm 01 đại đội, 167 trung đội, 35 tiểu đội (khẩu đội), 1.024 tổ, phù hợp với cách đánh truyền thống của DQTV, quyết tâm tác chiến phòng thủ của tỉnh, huyện, thành phố và kế hoạch chiến đấu trị an của cấp xã.

1.5. Quản lý nhà nước về DQTV: Thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý điều hành, các ban, ngành, đoàn thể làm tham mưu, cơ quan quân sự làm nòng cốt trong xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng DQTV, trong những năm qua các cấp ủy, chính quyền trong tỉnh đã quán triệt nghiêm túc các văn bản của Đảng, Nhà nước, kịp thời triển khai các nghị quyết, kế hoạch, chương trình hành động ở các cấp, các ngành, làm chuyển biến nhận thức đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân trong công tác xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng DQTV. Cơ quan quân sự các cấp đã tích cực phối hợp các ban, ngành, đoàn thể tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý nhà nước theo quyền hạn ở từng cấp về tổ chức xây dựng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng DQTV đúng theo quy định và đã đạt được nhiều kết quả thiết thực, từng bước đi vào nề nếp. Công tác thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, thông tin báo cáo về công tác DQTV được thực hiện nghiêm túc ở các cấp, các ngành.

2. Công tác huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật cho DQTV

2.1. Đào tạo, tập huấn cán bộ: Từ năm 2004 đến nay, tỉnh tổ chức 03 khóa đào tạo chỉ huy trưởng quân sự cấp xã theo quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Giáo dục và Đào tạo được tổng số 147 đồng chí. Sau đào tạo được bố trí công tác ở các cương vị chỉ huy trưởng 85 đồng chí, chỉ huy phó 37 đồng chí, phát triển cao hơn 10 đồng chí, chuyển sang chức danh khác 04 đồng chí, 11 đồng chí nghỉ việc. Trong các năm 2013 – 2014 đã tuyển chọn và đưa đi đào tạo, liên thông trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở 07 đồng chí.

Hàng năm, cán bộ Ban chỉ huy quân sự cấp xã, cơ quan, tổ chức; cán bộ chỉ huy từ cấp tiểu đội đến đại đội DQTV đều được tập huấn tại Trường Quân sự tỉnh và Ban chỉ huy quân sự cấp huyện. Qua đào tạo, tập huấn và hội thi, hội thao đã nâng cao trình độ, năng lực tổ chức chỉ đạo, chỉ huy, tổ chức huấn luyện và hoạt động của đội ngũ cán bộ DQTV, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

2.2. Huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị và pháp luật cho cơ sở, chiến sỹ DQTV: Hàng năm, cơ quan quân sự các cấp đều xây dựng kế hoạch huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị và pháp luật cho lực lượng DQTV đúng, đủ nội dung, thời gian quy định của Bộ Quốc phòng; chỉ đạo tổ chức huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị cho 100% cơ sở DQTV, trên 85% cán bộ, chiến sỹ DQTV; kết quả 100% đạt yêu cầu, trong đó 50% khá, giỏi; tổ chức hội thi, hội thao, sử dụng lực lượng tham gia diễn tập khu vực phòng thủ, chiến đấu trị an, bảo vệ mục tiêu; phòng, chống cháy, nổ, phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn đạt kết quả tốt.

3. Hoạt động chiến đấu trị an, công tác dân vận

Trong những năm qua, lực lượng DQTV trong toàn tỉnh luôn duy trì nghiêm túc chế độ giao ban, trao đổi tình hình, sơ kết, tổng kết; phối hợp chặt chẽ với lực lượng Quân sự, Công an, Biên phòng theo Nghị định số 77/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng.

Thực hiện Chỉ thị số 773/CT-BQP của Bộ Quốc phòng, Kế hoạch số 20/KH-QK của Tư lệnh Quân khu 5 về tổ chức lực lượng DQTV làm công tác dân vận, Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương tổ chức cho lực lượng DQTV vừa huấn luyện, vừa làm công tác dân vận với trên 135.000 ngày công lao động như đào mương chống hạn, làm đường nông thôn, vệ sinh môi trường, khắc phục hậu quả bão lụt, chữa cháy rừng, góp phần củng cố trận địa tư tưởng, thể trận lòng dân, tạo được niềm tin của nhân dân vào lực lượng vũ trang địa phương.

4. Bảo đảm chế độ, chính sách: Việc bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV trong thời gian qua luôn được các cấp, các ngành quan tâm, tạo điều kiện, kịp thời bảo đảm cho nhiệm vụ xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng DQTV. Từ khi Luật DQTV ban hành đến nay, các địa phương đã có sự vận dụng linh hoạt để bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng DQTV đúng

theo quy định, vừa phù hợp với điều kiện, khả năng của từng địa phương, vừa góp phần động viên cán bộ, chiến sỹ DQTV an tâm công tác, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương, cơ sở.

B. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

I. Những hạn chế, tồn tại

1. Một số cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ sở chưa quan tâm đúng mức đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, tổ chức huấn luyện và hoạt động của lực lượng DQTV nhất là công tác xây dựng đội ngũ cán bộ quân sự cơ sở và công tác tạo nguồn, bồi dưỡng, kết nạp đảng viên mới; tỷ lệ đảng viên trong dân quân ở một số xã, phường, thị trấn còn thấp.

2. Chất lượng tổng hợp, độ tin cậy về chính trị và khả năng hoàn thành nhiệm vụ của một bộ phận trong lực lượng DQTV còn thấp.

3. Khả năng nắm bắt, nhận định, đánh giá tình hình, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, xử lý các tình huống của ban chỉ huy quân sự ở cơ sở còn hạn chế, nhất là những vấn đề phức tạp mới nảy sinh.

4. Điều kiện bảo đảm kinh phí cho xây dựng, huấn luyện, hoạt động, nơi làm việc, sinh hoạt, học tập của ban chỉ huy quân sự cấp xã và lực lượng dân quân còn khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa; chất lượng huấn luyện, hoạt động của lực lượng DQTV có mặt còn hạn chế.

II. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại

1. Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ sở chưa thật đầy đủ, lãnh đạo, chỉ đạo chưa thực sự sâu sát, chưa phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác xây dựng, tổ chức, hoạt động của lực lượng DQTV; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về DQTV có thời điểm chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao.

2. Vai trò trách nhiệm của một số ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn, cơ quan, tổ chức chưa được phát huy đầy đủ; năng lực vận dụng, cụ thể hóa các chính sách, pháp luật, nghị quyết, chỉ thị liên quan đến công tác DQTV để tham mưu cho cấp ủy, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có mặt còn hạn chế.

3. Một số công dân trong độ tuổi DQTV việc làm không ổn định, đời sống khó khăn, phải đi làm ăn xa nên thường xuyên vắng mặt tại địa phương.

4. Một bộ phận cán bộ, nhân dân nhận thức về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc còn hạn chế, không muốn con em mình tham gia lực lượng DQTV, chỉ tập trung làm kinh tế.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng, huấn luyện và hoạt động của lực lượng DQTV có thời điểm chưa kịp thời.

Phần thứ hai
NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP TỔ CHỨC, XÂY DỰNG, HUẤN
LUYỆN, HOẠT ĐỘNG VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI DQTV
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM GIAI ĐOẠN 2014 - 2015

A. NỘI DUNG

I. Mục tiêu, yêu cầu

1. Mục tiêu

Xây dựng lực lượng DQTV có số lượng phù hợp, tổ chức biên chế gọn, hợp lý, chặt chẽ; trang bị vũ khí phù hợp; lấy chất lượng chính trị và độ tin cậy làm cơ sở, đến năm 2015 tỷ lệ đảng viên đạt 20% trở lên, chi bộ quân sự cấp xã có cấp ủy đạt 50% trở lên.

Hàng năm có 100% cơ sở DQTV và trên 90% cán bộ, chiến sỹ DQTV được huấn luyện quân sự và giáo dục chính trị, pháp luật theo phân cấp.

Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chi bộ quân sự, chi đoàn quân sự. Chú trọng phát triển đảng viên, đoàn viên trong DQTV theo đúng chỉ tiêu đề ra trong nghị quyết của cấp ủy các cấp; 100% Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã có trình độ từ trung cấp, cao đẳng, đại học chuyên ngành quân sự.

2. Yêu cầu

2.1. Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Trung ương 8 (Khóa IX) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Kết luận số 41-KL/TW ngày 31/3/2009 của Ban Bí thư (Khóa X) tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 05/10/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng DQTV và dự bị động viên trong tình hình mới; Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 23/01/2008 của Tỉnh ủy Kon Tum về đẩy mạnh xây dựng tỉnh Kon Tum thành khu vực phòng thủ cơ bản, liên hoàn, vững chắc trong tình hình mới, đến lãnh đạo các cấp, các ngành. Nâng cao trách nhiệm, phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội trong xây dựng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng DQTV.

2.2. Thực hiện nghiêm túc chế độ đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ DQTV; đảm bảo xét duyệt dân chủ, công khai, tuyển chọn những người có đủ năng lực, phẩm chất chính trị vào lực lượng. Xây dựng lực lượng DQTV theo phương châm “Vững mạnh, rộng khắp”, thực hiện ở đâu có dân, có tổ chức đảng thì ở đó có lực lượng DQTV; chú trọng kiện toàn, nâng cao năng lực chỉ đạo, chỉ huy của đội ngũ cán bộ DQTV; gắn việc xây dựng lực lượng DQTV với việc đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở. Các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân có tổ chức đảng phải tổ chức xây dựng lực lượng tự vệ theo quy định. Các địa phương, cơ sở cần tập trung chỉ đạo phân đầu nâng cao tỷ lệ đảng viên trong DQTV. Chú trọng xây

dụng lực lượng DQTV phòng không, pháo binh, công binh, thông tin, trinh sát, phòng hóa ở các xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng - an ninh.

2.3. Cấp ủy, chính quyền các cấp, các ban, ngành, đoàn thể, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng DQTV theo quy định.

II. Về tổ chức xây dựng lực lượng DQTV và công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về DQTV

1. Đăng ký, quản lý nguồn, tuyển chọn lực lượng DQTV nòng cốt, tổ chức luân phiên lực lượng DQTV

1.1. Tổ chức đăng ký công dân thực hiện Luật DQTV

UBND cấp xã và cơ quan, tổ chức có trách nhiệm đăng ký công dân trong độ tuổi thực hiện Luật DQTV. Trước khi đăng ký phải tổ chức tập huấn cho các thành phần tham gia đăng ký; thời điểm đăng ký vào tháng 4 hàng năm; địa điểm đăng ký tại thôn, làng, tổ dân phố, đội sản xuất, công nông trường, cơ quan, tổ chức.

Đối tượng đăng ký là nam công dân từ đủ 18 tuổi đến hết 45 tuổi, nữ công dân từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi. Sau đăng ký, hội đồng nghĩa vụ quân sự cấp xã, cấp ủy, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, công đoàn, đoàn thanh niên tiến hành xét duyệt công dân đủ điều kiện kết nạp vào lực lượng DQTV; lập danh sách công dân đủ điều kiện sẵn sàng mở rộng khi có tình huống về quốc phòng, tổng hợp kết quả đăng ký báo cáo cấp trên vào tháng 5 hàng năm.

1.2. Tổ chức luân phiên lực lượng DQTV

Ban chỉ huy quân sự cấp xã phải lập kế hoạch trình Ban chỉ huy quân sự cấp huyện phê duyệt; hàng năm tổ chức luân phiên theo tỷ lệ từ 20 - 25% so với tổng số DQTV. Trong điều kiện thời bình, xây dựng lực lượng DQTV theo phương châm "*Vững mạnh, rộng khắp*"; lấy xây dựng vững mạnh toàn diện làm căn bản, trong đó vững chắc về chính trị làm khâu then chốt. 100% thôn, tổ dân phố, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân có tổ chức đảng đủ điều kiện tổ chức lực lượng tự vệ phải xây dựng lực lượng DQTV.

Căn cứ số lượng dân cư, bố trí dân cư, khả năng kinh phí để xác định tỷ lệ luân phiên lực lượng DQTV cho phù hợp theo Luật DQTV. Ban chỉ huy quân sự cấp huyện phải trực tiếp chỉ đạo và cùng cơ sở rà soát, tính toán cụ thể để củng cố số lượng dân quân hợp lý, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trong mọi tình huống.

2. Củng cố kiện toàn ban chỉ huy quân sự và cán bộ DQTV

2.1. Ban chỉ huy quân sự cấp xã

Thành phần: Chỉ huy trưởng phải là cán bộ, công chức cơ quan, tổ chức, là thành viên UBND cấp xã; 100% là đảng viên và tham gia cấp ủy cùng cấp;

chính trị viên là bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn kiêm nhiệm; chính trị viên phó là bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã, phường, thị trấn kiêm nhiệm; chỉ huy phó là người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn.

Số lượng: Ban chỉ huy quân sự xã loại 1, xã loại 2 theo quy định tại Nghị định 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn, xã trọng điểm quốc phòng - an ninh, được biên chế không quá 05 đồng chí gồm: Chỉ huy trưởng, chính trị viên, chính trị viên phó và 02 chỉ huy phó. Các xã, phường, thị trấn còn lại, Ban chỉ huy quân sự cấp xã số lượng là 04 đồng chí gồm: Chỉ huy trưởng, chính trị viên, chính trị viên phó, chỉ huy phó.

2.2. Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức cấp tỉnh, cấp huyện: Có số lượng 04 đồng chí gồm: Chỉ huy trưởng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức; chính trị viên là bí thư hoặc phó bí thư cấp ủy cùng cấp; chính trị viên phó là bí thư đoàn hoặc phó bí thư đảng ủy cùng cấp, chỉ huy phó là cán bộ kiêm nhiệm.

2.3. Cán bộ quản lý chỉ huy đơn vị DQTV gồm: Ban chỉ huy đại đội; trung đội trưởng; tiểu đội trưởng; khẩu đội trưởng. Cán bộ Ban chỉ huy đại đội gồm 04 đồng chí: Đại đội trưởng, chính trị viên, chính trị viên phó, đại đội phó.

3. Quy định về số lượng

3.1. Cấp tỉnh: Tỷ lệ DQTV đạt 1,7%-1,5 so với tổng dân số. Luân phiên hàng năm 20 - 25% so với tổng số lực lượng.

3.2. Cấp huyện:

- Huyện có dân số đến 50.000, tỷ lệ xây dựng từ 3 - 2,4%;
- Huyện có dân số trên 50.000 đến 100.000, tỷ lệ xây dựng từ 2,39 - 1,9%;
- Huyện có dân số trên 100.000, tỷ lệ xây dựng từ 1,89 - 1,7%.

Hàng năm, căn cứ vào chỉ tiêu trên giao và tình hình địa phương, UBND tỉnh giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng DQTV cho các địa phương.

3.3. Cấp xã:

Căn cứ Thông tư số 85/2010/TT-BQP ngày 02/7/2010 của Bộ Quốc phòng và tổng dân số, yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng - an ninh của từng địa phương để xây dựng tỷ lệ dân quân cho từng xã, phường, thị trấn, bảo đảm đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao, cụ thể:

- Xã thuộc vùng sâu, vùng xa, biên giới, dân số dưới 1.000 người, tỷ lệ xây dựng từ 8% - 5% so với dân số;
- Xã có dân số từ trên 1.000 đến 3.000, tỷ lệ xây dựng từ 4,99% - 3,3%;
- Xã có dân số từ trên 3.000 đến 6.000, tỷ lệ xây dựng từ 3,29% - 2,2%.
- Xã có dân số trên 6.000 đến 15.000, tỷ lệ xây dựng từ 2,17% - 1%.

Chú trọng củng cố xây dựng lực lượng DQTV những nơi có tình hình an ninh chính trị phức tạp; không dàn đều, không để cơ sở “trắng” DQTV; ở những xã dân số ít, địa bàn rộng, thuộc vùng trọng điểm về quốc phòng - an ninh có nhu cầu quốc phòng thì xây dựng tỷ lệ dân quân cao hơn (Chủ tịch UBND huyện, thành phố đề nghị; Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh quyết định).

3.4. Đối với cơ quan, tổ chức: Các cơ quan nhà nước có biên chế từ 50 người trở lên, tỷ lệ xây dựng lực lượng tự vệ từ 10 - 20% so với tổng số cán bộ, công chức, viên chức. Cơ quan nhà nước có từ 49 người trở xuống do chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự cấp huyện căn cứ vào tình hình cụ thể đề quyết định tỷ lệ, thành lập đơn vị tự vệ ở các cơ quan này.

3.5. Doanh nghiệp: Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nếu có tổ chức đảng, hoạt động sản xuất, kinh doanh trên 12 tháng, với quy mô từ 50 lao động trở lên phải tổ chức lực lượng tự vệ. Tỷ lệ xây dựng lực lượng tự vệ được tính trên tổng số lao động đã được ký hợp đồng từ 06 tháng trở lên và trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ DQTV, cụ thể.

- Doanh nghiệp có từ 49 lao động trở xuống, nhưng do đặc thù của doanh nghiệp và có yêu cầu về quốc phòng – an ninh thì tổ chức lực lượng tự vệ.

- Doanh nghiệp có từ 50 - 500 lao động, tỷ lệ từ 15% - 10%;

- Doanh nghiệp có từ 501 - 1.500 lao động, tỷ lệ từ 9,9% - 8%;

- Doanh nghiệp có từ 1.501 - 3.000 lao động, tỷ lệ từ 7,9% - 4%;

- Doanh nghiệp có từ 3.001 lao động trở lên, tỷ lệ từ 3,9% - 1,2%.

UBND cấp huyện căn cứ vào chỉ tiêu trên giao để giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng DQTV cho từng đơn vị thuộc quyền.

4. Quy định về chất lượng DQTV

Phần đầu đến cuối năm 2015, có 100% Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã được đào tạo trung cấp chuyên nghiệp cao đẳng, đại học ngành quân sự. Củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ ban chỉ huy quân sự cấp xã, cơ quan, tổ chức và cán bộ chỉ huy đơn vị DQTV các cấp đúng quy định của Chính phủ và Bộ Quốc phòng.

5. Cơ cấu thành phần, quy mô tổ chức xây dựng DQTV

5.1. Cơ cấu thành phần gồm: Lực lượng DQTV cơ động; lực lượng DQTV tại chỗ; lực lượng DQTV binh chủng chiến đấu; lực lượng DQTV binh chủng bảo đảm.

5.2. Quy mô, tổ chức biên chế:

5.2.1. Cấp tỉnh: Tiếp tục xây dựng đại đội pháo Phòng không 37^{mm} biên chế 45 đồng chí tại Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum.

5.2.2. Cấp huyện: Dân quân cơ động: Các huyện Ngọc Hồi, Sa Thầy, Đăk Glei và thành phố Kon Tum thành lập 02 trung đội; các huyện còn lại xây dựng mỗi huyện 01 trung đội, biên chế trung đội 22 đồng chí.

Dân quân phòng không: TP Kon Tum xây dựng 04 trung đội súng máy phòng không 12,7^{mm}; huyện Đăk Tô 03 trung đội súng máy phòng không 12,7^{mm}; các huyện Đăk Glei, Ngọc Hồi, Sa Thầy, Đăk Hà mỗi huyện 02 trung đội súng máy phòng không 12,7^{mm}; các huyện Kon Plông, Kon Rẫy, Tu Mơ Rông mỗi huyện 01 trung đội súng máy phòng không 12,7^{mm}; biên chế mỗi trung đội 15 đồng chí.

Dân quân pháo binh: củng cố và xây dựng mỗi huyện, thành phố 01 trung đội súng cối 82^{mm}; huyện Đăk Glei, Ngọc Hồi, Đăk Tô, Đăk Hà, Sa Thầy, thành phố Kon Tum mỗi đơn vị xây dựng 01 trung đội ĐKZ 82^{mm}, biên chế mỗi trung đội 15 đồng chí.

Dân quân binh chủng bảo đảm: Các huyện Đăk Glei, Ngọc Hồi, Sa Thầy, Đăk Tô, Đăk Hà, thành phố Kon Tum mỗi địa phương xây dựng 01 trung đội thông tin, 01 trung đội công binh, 01 trung đội trinh sát, biên chế mỗi trung đội 19 đồng chí; xây dựng 01 tiểu đội dân quân y tế, 01 tiểu đội phòng hóa, 01 tiểu đội thông tin, biên chế mỗi tiểu đội 09 đồng chí.

5.2.3. *Cấp xã*: Dân quân cơ động: Mỗi xã, phường, thị trấn xây dựng 01 trung đội dân quân cơ động, biên chế mỗi trung đội 22 đồng chí.

Dân quân thường trực: Tiếp tục xây dựng các tiểu đội dân quân thường trực tại xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng - an ninh.

Tiểu đội dân quân thường trực nằm trong trung đội dân quân cơ động, biên chế mỗi tiểu đội từ 07 - 10 đồng chí.

Dân quân tại chỗ: Xây dựng 847 tổ dân quân tại 847 thôn, làng, tổ dân phố, biên chế mỗi tổ từ 03 - 05 đồng chí.

Dân quân binh chủng chiến đấu: Các xã biên giới xây dựng mỗi xã 01 khẩu đội cối 60^{mm}, biên chế mỗi khẩu đội 06 đồng chí.

Dân quân binh chủng bảo đảm: Xây dựng 44/97 xã, phường, thị trấn (*có Phụ lục 1 kèm theo*) mỗi địa phương 01 tổ dân quân công binh, 01 tổ dân quân trinh sát, 01 tổ dân quân thông tin; biên chế mỗi tổ 03 đồng chí.

5.2.4. *Đơn vị tự vệ*: Thành lập 19 ban chỉ huy quân sự thuộc tỉnh, mỗi ban chỉ huy xây dựng 01 tiểu đội tự vệ, biên chế mỗi tiểu đội 09 đồng chí. Thành lập 29 ban chỉ huy quân sự thuộc huyện, thành phố, mỗi ban chỉ huy xây dựng 01 trung đội tự vệ, biên chế mỗi trung đội 22 đồng chí. (*có Phụ lục 2 kèm theo*)

Các đơn vị tự vệ còn lại ở huyện, thành phố căn cứ vào quân số của các cơ quan, đơn vị và tỷ lệ quy định, Ban chỉ huy quân sự huyện, thành phố chỉ đạo xây dựng cho phù hợp; tổ chức cấp tổ, biên chế mỗi tổ 03 đồng chí; cấp tiểu đội, biên chế mỗi tiểu đội 09 đồng chí; cấp trung đội, biên chế mỗi trung đội 22 đồng chí.

III. Công tác đào tạo, huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật

1. Đào tạo cán bộ ban chỉ huy quân sự cấp xã

Theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Quốc phòng, hàng năm, Bộ CHQS tỉnh tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo công tác đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở; chọn nguồn đào tạo liên thông từ trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở lên cao đẳng, đại học và tuyển sinh trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở theo đúng quy định.

2. Bồi dưỡng, tập huấn cán bộ, huấn luyện và giáo dục chiến sỹ DQTV

Hàng năm, căn cứ vào chỉ tiêu, hướng dẫn của trên, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh hướng dẫn cụ thể về công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện và giáo dục cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện.

IV. Hoạt động của lực lượng DQTV

Hoạt động của DQTV trong sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; trong bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và các hoạt động khác phải đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự điều hành của chính quyền và sự chỉ huy trực tiếp của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân cấp xã, chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức và sự chỉ huy, chỉ đạo của cơ quan quân sự cấp trên theo Nghị định số 77/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng, Nghị định số 74/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ quy định về phối hợp hoạt động giữa lực lượng DQTV với lực lượng công an xã, phường, thị trấn, lực lượng kiểm lâm và các lực lượng khác trong công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong công tác bảo vệ rừng.

Hàng năm, căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, cơ sở và yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng DQTV được giao để chỉ đạo tổ chức huấn luyện, diễn tập và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp.

Hoạt động của lực lượng DQTV trong các trạng thái về quốc phòng đều phải được xây dựng kế hoạch, thông qua cấp ủy đảng, chính quyền, thủ trưởng cơ quan, tổ chức cùng cấp, được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các kế hoạch hoạt động phải phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của địa phương, cơ sở, có tính khả thi cao. Cơ quan quân sự địa phương các cấp phải căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, Quân khu và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh để xây dựng đủ số lượng kế hoạch theo Thông tư số 77/2010/TT-BQP ngày 23/6/2010 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn hoạt động của dân quân tự vệ thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành và Thông tư số 90/2010/TT-BQP ngày 05/7/2010 của Bộ Quốc phòng quy định việc mở rộng lực lượng dân quân tự vệ trong các trạng thái sẵn sàng chiến đấu, trạng thái quốc phòng.

V. Bảo đảm chế độ, chính sách và các nội dung khác có liên quan để đảm bảo cho hoạt động của lực lượng DQTV

1. Chế độ chính sách đối với DQTV

Phụ cấp hằng tháng của thôn đội trưởng; mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội đối với Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã; trợ cấp ngày công lao động; hỗ trợ tiền ăn cho dân quân khi thực hiện nhiệm vụ: Áp dụng theo Nghị quyết số 33/2011/ NQ- HĐND ngày 05/12/2011 của HĐND tỉnh và Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 22/12/2011 của UBND tỉnh về chế độ chính sách cho lực lượng DQTV trên địa bàn tỉnh.

Dân quân khi được huy động làm nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền nhưng chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 42, 43 Nghị định số 58/2010/ NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật DQTV.

2. Trang phục, sao mũ, phù hiệu của DQTV

Cán bộ, chiến sỹ DQTV nông cốt được cấp quần trang, sao mũ, phù hiệu theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 21 Nghị định số 58/2010 NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật DQTV.

Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương bảo đảm mua sắm trang phục cho lực lượng dân quân nông cốt.

Cơ quan, tổ chức; doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân có tổ chức đảng tự bảo đảm mua sắm trang phục cho lực lượng tự vệ.

3. Chế độ nhà làm việc, nhà ở và trang thiết bị chuyên ngành quân sự cho ban chỉ huy quân sự cấp xã

Việc bảo đảm nhà làm việc, nhà ở cho Ban chỉ huy quân sự cấp xã được thực hiện theo Quyết định số 1171/QĐ- UBND ngày 12/12/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án xây dựng nhà làm việc cho Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn và nhà ở cho các tiểu đội dân quân thường trực các xã biên giới trên địa bàn tỉnh.

Việc bảo đảm trang thiết bị chuyên ngành quân sự cho Ban chỉ huy quân sự cấp xã và lực lượng dân quân thường trực, lực lượng trực sẵn sàng chiến đấu được thực hiện theo Điều 23 Nghị định số 58/2010/ NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật DQTV và quy định của Bộ Quốc phòng.

Đối với dân quân thường trực tại các xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng - an ninh được bảo đảm phòng trực, phòng sinh hoạt, phòng nghỉ nằm trong nhà làm việc của ban chỉ huy quân sự cấp xã; bảo đảm giường, chiếu, chăn, màn, gôỉ cá nhân và các trang thiết bị cần thiết khác cho công tác, sinh hoạt của dân quân thường trực.

4. Bảo đảm trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí và công cụ hỗ trợ

Các đơn vị DQTV được biên chế trang bị vũ khí, đạn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và thực hiện đăng ký quản lý theo Pháp lệnh Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, Thông tư số 99/TT-BQP ngày 19/7/2010 của Bộ

Quốc phòng về trang bị, đăng ký và quản lý vũ khí, đạn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ của lực lượng DQTV và theo hướng dẫn của các cơ quan chuyên ngành cấp trên.

Việc sử dụng vũ khí đạn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ cho huấn luyện, kiểm tra, diễn tập hằng năm theo kế hoạch; thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng được cấp trên có thẩm quyền phê duyệt.

Khi sử dụng vũ khí đạn, vật liệu nổ cho các nhiệm vụ khác phải có lệnh của cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định.

Đề bảo đảm cho lực lượng DQTV tham gia có hiệu quả các hoạt động giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở, hàng năm cấp xã tiến hành mua sắm và sử dụng trang bị công cụ hỗ trợ theo Điều 33 Pháp lệnh Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và các quy định khác, nhằm trang bị cho trung đội dân quân cơ động, lực lượng dân quân thường trực làm nhiệm vụ.

5. Bảo đảm thao trường, bãi tập

Công tác quy hoạch, bố trí thao trường, bãi tập bảo đảm phục vụ cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao của lực lượng DQTV và giáo dục quốc phòng - an ninh cho học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 21/2010/TTLT-BTNMT-BQP ngày 26/10/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Quốc phòng quy định việc quản lý, sử dụng đất thao trường, bãi tập phục vụ cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao của lực lượng DQTV và giáo dục quốc phòng - an ninh cho học sinh, sinh viên.

6. Bảo đảm ngân sách và dự toán ngân sách cho DQTV

Bảo đảm ngân sách cho việc thực hiện Đề án này theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật DQTV.

Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ chỉ tiêu được giao, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh dự toán ngân sách cho công tác DQTV, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt. Cấp huyện, cấp xã chủ động cân đối ngân sách được phân bổ, dự toán hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước để bố trí cho nhiệm vụ xây dựng, huấn luyện, hoạt động của DQTV.

Hàng năm, tùy theo điều kiện ngân sách của địa phương, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét phân bổ kinh phí thực hiện Đề án cho phù hợp với khả năng cân đối ngân sách tỉnh. Kinh phí thực hiện gồm ngân sách trung ương hỗ trợ, ngân sách tỉnh, huyện, xã, quỹ quốc phòng - an ninh, kinh phí của doanh nghiệp và các nguồn tài trợ khác theo quy định của pháp luật.

B. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Lực lượng DQTV phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tập trung, thống nhất của cấp ủy đảng, sự quản lý điều hành của chính quyền, sự chỉ đạo, chỉ

huy của cơ quan quân sự các cấp theo quy định của Luật DQTV, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ Quốc phòng và các chỉ thị, hướng dẫn, kế hoạch của trên; đồng thời phát huy hiệu quả sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị các cấp trong tổ chức xây dựng lực lượng DQTV.

2. Xây dựng lực lượng DQTV trước hết là xây dựng về chất lượng chính trị, bảo đảm là lực lượng trung thành, tin cậy của Đảng, là lực lượng nòng cốt bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ tính mạng tài sản của nhân dân, của nhà nước ở cơ sở.

3. Chú trọng xây dựng nâng cao chất lượng của lực lượng dân quân cơ động, thường trực, DQTV phòng không ở các địa bàn chiến lược, vùng trọng điểm; xây dựng đến đâu chắc đến đó, gắn với việc đổi mới nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở, xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, đặc biệt là địa bàn trọng điểm về quốc phòng - an ninh.

4. Cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp và mặt trận, đoàn thể có trách nhiệm quan tâm đảm bảo chế độ, chính sách cho lực lượng DQTV. Tổ chức vận động thu quỹ quốc phòng - an ninh và các khoản tăng thu để hỗ trợ cho xây dựng, hoạt động của lực lượng DQTV.

5. Tăng cường việc hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra kịp thời uốn nắn những sai sót trong tổ chức xây dựng lực lượng DQTV. Định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, phát huy những mặt tích cực, tiến bộ, khắc phục những yếu kém, tồn tại nhằm xây dựng lực lượng DQTV thực sự tin cậy, chất lượng, hiệu quả.

6. Cán bộ Ban chỉ huy quân sự cấp xã phải được đào tạo từ trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở trở lên và được sắp xếp bố trí sau đào tạo đúng chức năng nhiệm vụ.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Năm 2014

Củng cố, kiện toàn Ban chỉ huy quân sự cấp xã, cơ quan, tổ chức ở cơ sở đủ thành phần theo Luật DQTV. Sắp xếp 80% Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự xã được đào tạo theo quy định.

Củng cố, kiện toàn đủ lực lượng dân quân thường trực, dân quân cơ động, DQTV phòng không, pháo binh, công binh theo Đề án. Tổ chức huấn luyện 100% cơ sở DQTV, quân số huấn luyện đạt 80% trở lên so với tổng số lực lượng DQTV, kết quả huấn luyện 100% đạt yêu cầu (trong đó 65% khá, giỏi trở lên).

Tập trung rèn luyện lễ tiết tác phong, xây dựng chế độ công tác của cán bộ, chiến sỹ DQTV, thống nhất biên bản, sắp xếp nơi ăn, ở cho lực lượng DQTV.

Triển khai thực hiện Đề án tổ chức xây dựng, huấn luyện, hoạt động và chế độ chính sách cho lực lượng DQTV theo quy định của Luật DQTV và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tổ chức xây dựng nhà ở cho các tiểu đội dân quân thường trực các xã biên giới theo đúng lộ trình của Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 của UBND tỉnh.

Khảo sát, bố trí quỹ đất xây dựng thao trường, bãi tập bảo đảm phục vụ công tác huấn luyện lực lượng DQTV và giáo dục quốc phòng - an ninh.

2. Năm 2015

Kiến toàn nâng cao chất lượng lực lượng DQTV, chủ yếu nâng cao chất lượng chính trị và độ tin cậy của lực lượng DQTV, phấn đấu có 100% thôn đội trưởng, trung đội trưởng dân quân cơ động, tiểu đội trưởng dân quân cơ động, tiểu đội trưởng dân quân thường trực là đảng viên.

Xây dựng lực lượng DQTV đúng theo Luật DQTV, tỷ lệ đảng viên trong lực lượng DQTV đạt 20% trở lên (trong đó dân quân đạt 16% trở lên), tỷ lệ đoàn viên dân quân đạt 60% trở lên so với tổng số.

Tổ chức huấn luyện 100% đầu mỗi đơn vị, quân số đạt 85% trở lên, kết quả 100% đạt yêu cầu, trong đó 75% khá, giỏi trở lên.

100% Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn qua đào tạo trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở.

Tiếp tục triển khai lộ trình xây dựng nhà ở cho các tiểu đội dân quân thường trực các xã biên giới theo đúng lộ trình của Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 của UBND tỉnh.

Khảo sát, bố trí quỹ đất xây dựng thao trường, bãi tập bảo đảm phục vụ công tác huấn luyện lực lượng DQTV và giáo dục quốc phòng - an ninh.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

1. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức quán triệt và thực hiện Đề án này; định kỳ thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác DQTV, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo.

- Hằng năm, chỉ đạo, hướng dẫn các sở, ban ngành, huyện, thành phố xây dựng lực lượng DQTV đúng tỷ lệ, xây dựng kế hoạch thực hiện công tác DQTV chặt chẽ, chất lượng và hiệu quả.

- Tổng hợp tham mưu UBND tỉnh giao chỉ tiêu theo khả năng cân đối kinh phí của từng đơn vị và ngân sách các huyện, thành phố hằng năm.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và các sở ngành có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương lập dự án xây dựng trụ sở, nhà làm việc cho Ban chỉ huy quân sự cấp xã; tham mưu đầu tư

xây dựng thao trường, bãi tập bảo đảm cho công tác huấn luyện DQTV và giáo dục quốc phòng - an ninh; hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế kết hợp với củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng và thực hiện kế hoạch động viên nền kinh tế quốc dân.

3. Sở Nội vụ:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo bổ nhiệm, sắp xếp đầy đủ cán bộ ban chỉ huy quân sự cấp xã, cơ quan, tổ chức.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch và chỉ tiêu đào tạo hằng năm, bố trí, sử dụng cán bộ sau đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở.

- Phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Sở Tài chính và UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch và chỉ tiêu đào tạo hằng năm theo khả năng cân đối kinh phí đào tạo của ngân sách tỉnh.

4. Sở Tài chính

- Phối hợp Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng, huấn luyện và hoạt động của lực lượng DQTV phù hợp với khả năng cân đối ngân sách tỉnh hằng năm.

- Hướng dẫn các đơn vị, UBND các huyện, thành phố lập dự toán ngân sách nhà nước, quỹ quốc phòng - an ninh và quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán theo quy định hiện hành.

5. Sở Xây dựng

Chủ trì phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và Sở Tài chính tiếp tục tham mưu UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án xây dựng nhà làm việc cho Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn và nhà ở cho các tiểu đội dân quân thường trực các xã biên giới trên địa bàn tỉnh theo đúng lộ trình và có hiệu quả.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và UBND cấp huyện khảo sát bố trí quỹ đất xây dựng thao trường, bãi tập bảo đảm cho công tác huấn luyện lực lượng DQTV và giáo dục quốc phòng - an ninh.

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí, sử dụng quỹ đất quốc phòng giai đoạn 2013 - 2020 trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, các cơ quan chức năng tiến hành lập hồ sơ giải quyết chế độ thương binh, liệt sỹ cho các trường hợp trực tiếp làm nhiệm vụ huấn luyện, chiến đấu, diễn tập, nhiệm vụ quốc phòng an ninh có tính chất nguy hiểm như chống khủng bố, biểu tình, bạo loạn, giải thoát con tin, cứu hộ cứu nạn, ứng cứu hỏa hoạn thiên tai.

8. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra bảo hiểm xã hội cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tổ chức, thực hiện hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội cho Chỉ huy phó quân sự cấp xã.

9. Các sở, ban, ngành khác

Theo chức năng nhiệm vụ, tổ chức xây dựng lực lượng tự vệ cơ quan theo Luật DQTV; phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tham mưu Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đôn đốc, kiểm tra, tạo điều kiện cho các địa phương, cơ sở, cơ quan, đơn vị xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ chính sách cho DQTV; tuyên truyền, phổ biến Luật DQTV, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật cho cán bộ, công chức và toàn dân trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức thích hợp khác.

10. UBND các huyện, thành phố:

- Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Luật DQTV và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật DQTV nói chung và Đề án nói riêng tại địa phương.

- Chỉ đạo tổ chức huấn luyện cho lực lượng DQTV hàng năm theo phân cấp.

- Sử dụng nguồn ngân sách xây dựng cơ bản và một phần kinh phí địa phương để tổ chức sửa chữa, nâng cấp và xây mới nhà làm việc cho Ban chỉ huy quân sự cấp xã; chủ động cân đối ngân sách cấp huyện phù hợp để đảm bảo thực hiện công tác xây dựng, huấn luyện, hoạt động, chính sách, chế độ hậu phương quân đội cho lực lượng DQTV theo phân cấp quản lý hiện hành.

- Kiểm tra, sơ kết, tổng kết, báo cáo công tác quân sự - quốc phòng, DQTV, giáo dục quốc phòng - an ninh trên địa bàn hàng năm theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hùng

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH 44/97 XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
CÓ DÂN QUÂN BINH CHỨNG BẢO ĐẢM

- Thành phố Kon Tum: Phường Quyết Thắng, Thắng Lợi, Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Duy Tân, Ngô Mây, Quang Trung; các xã Vinh Quang, Ngọc Bay, Đăk Cấm.
 - Huyện Đăk Hà: Các xã Hà Mòn, Đăk Mar, Đăk Hring; thị trấn Đăk Hà.
 - Huyện Đăk Tô: Các xã Diên Bình, Tân Cảnh, Đăk Trăm, Pô Kô, Ngọc Tụ, Đăk Rơ Nga; thị trấn Đăk Tô.
 - Huyện Ngọc Hồi: Các xã Đăk Sứ, Sa Loong, Bờ Y, Đăk Dục; thị trấn Plei Kần.
 - Huyện Đăk Glei: Các xã Đăk Long, Đăk Nhoong, Đăk Blô; thị trấn Đăk Glei.
 - Huyện Sa Thầy: Các xã Mô Rai, Rờ Koi, Sa Sơn, Sa Nghĩa, Sa Bình; thị trấn Sa Thầy.
 - Huyện Kon Rẫy: Các xã Đăk Tờ Re, Đăk Ruồng; thị trấn Đăk Rve.
 - Huyện Kon PLông: Các xã Măng Cành, Đăk Long.
 - Huyện Tu Mơ Rông: Các xã Tu Mơ Rông, Đăk Hà, Đăk Tờ Kan./.
-

PHỤ LỤC 2
BAN CHQS CƠ QUAN, TỔ CHỨC CẤP TỈNH, HUYỆN

TT	Tên Ban chỉ huy quân sự cơ, tổ chức	Tỉnh quản lý	Cấp huyện quản lý
1	Ban CHQS HĐND - UBND huyện Đắk Tô		x
2	Ban CHQS Huyện ủy Đắk Tô		x
3	Ban CHQS HĐND - UBND huyện Kon Plông		x
4	Ban CHQ Huyện ủy Kon Plông		x
5	Ban CHQS HĐND - UBND huyện Đắk Hà		x
6	Ban CHQS Huyện ủy - Mặt trận huyện Đắk Hà		x
7	Ban CHQS Công ty cà phê 731 - Huyện Đắk Hà		x
8	Ban CHQS Công ty cà phê 734 - Huyện Đắk Hà		x
9	Ban CHQS Công ty cà phê 704 - Huyện Đắk Hà		x
10	Ban CHQS Công ty cà phê Đắk Uy - Huyện Đắk Hà		x
11	Ban CHQS HĐND - UBND huyện Kon Rẫy		x
12	Ban CHQS Huyện ủy huyện Kon Rẫy		x
13	Ban CHQS Công ty Nông nghiệp huyện Ngọc Hồi		x
14	Ban CHQS Huyện ủy huyện Ngọc Hồi		x
15	Ban CHQS HĐND - UBND huyện Ngọc Hồi		x
16	Ban CHQS Huyện ủy huyện Sa Thầy		x
17	Ban CHQS HĐND - UBND huyện Sa Thầy		x
18	Ban CHQS Huyện ủy huyện Đắk Lei		x
19	Ban CHQS HĐNDi - UBND huyện Đắk Lei		x
20	Ban CHQS HĐND - UBND huyện Tu Mơ Rông		x
21	Ban CHQS Huyện ủy Tu Mơ Rông		x
22	Ban CHQS Ngân hàng NN & PTNT	x	
23	Ban CHQS Sở GD & ĐT	x	
24	Ban CHQS Sở Y tế	x	
25	Ban CHQS Viễn Thông	x	
26	Ban CHQS Sở NN & PTNN	x	
27	Ban CHQS cơ quan Truyền tải điện		x
28	Ban CHQS Sở văn hóa - thông tin	x	
29	Ban CHQS Sở Nội vụ	x	
30	Ban CHQS Bệnh viện Đa khoa tỉnh		x
31	Ban CHQS Văn phòng UBND tỉnh	x	
32	Ban CHQS Trường chính trị tỉnh	x	
33	Ban CHQS công ty Cao su	x	
34	Ban CHQS sở Công thương	x	

35	Ban CHQS Điện lực	x	
36	Ban CHQS cơ quan xí nghiệp may Nhà Bè		x
37	Ban CHQS Nhà máy Đường		x
38	Ban CHQS Công ty CPXDCT Kon Tum		x
39	Ban CHQS cơ quan Tỉnh Đoàn	x	
40	Ban CHQS Cục thống kê	x	
41	Ban CHQS kho Bạc Nhà nước	x	
42	Ban CHQS Bưu Điện tỉnh	x	
43	Ban CHQS sở Giao thông - vận tải	x	
44	Ban CHQS Văn phòng HĐND - UBND thành phố Kon Tum		x
45	Ban CHQS Công ty Nguyên liệu giấy Miền Nam		x
46	Ban CHQS khối UBMTTQVN thành phố Kon Tum		x
47	Ban CHQS sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
48	Ban CHQS tỉnh ủy Kon Tum	x	
	Tổng cộng	19	29